

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

MÃ NGÀNH: 7340404

(Ban hành kèm theo Quyết định số 361/QĐ-NTT ngày 26 tháng 6 năm 2020 về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

1. Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: Quản trị nhân lực.
- Tên tiếng Anh: Human Resource Management.

2. Trình độ đào tạo: Đại học

3. Loại hình đào tạo: Chính quy.

4. Khóa học áp dụng: 2020 - 2023

5. Thời gian đào tạo: 3 năm

6. Tên văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Quản trị nhân lực.

7. Tên đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

8. Đơn vị đào tạo

- + Khoa Quản trị kinh doanh
- + Địa chỉ văn phòng: 331 Quốc lộ 1A, Phường An Phú Đông, Quận 12, Tp.HCM.
- + Điện thoại liên lạc: 028-62565693, Số lẻ: 222.

9. Các tiêu chí tuyển sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo

- **Phương thức 1:** Xét kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT là điểm cộng 03 môn thi theo tổ hợp môn xét tuyển đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào ĐH tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- **Phương thức 2:** Xét điểm học bạ của học sinh THPT, thí sinh chọn 1 trong 3 phương thức sau:
 - (1) Xét tổng điểm của tổ hợp 3 môn xét tuyển trong năm học lớp 12 đạt từ 18 điểm trở lên;
 - (2) Xét điểm trung bình học bạ cả năm lớp 12 đạt từ 6,0 trở lên;
 - (3) Xét điểm trung bình 5 học kỳ gồm 2 học kỳ của năm lớp 10, 2 học kỳ của năm lớp 11 và học kỳ 1 của năm lớp 12 đạt từ 6,0 trở lên.
- **Phương thức 3:** Xét điểm thi do Trường Đại học Nguyễn Tất Thành tổ chức;

- **Phương thức 4:** Xét kết quả bài thi kiểm tra đánh giá năng lực của ĐHQG Tp. HCM
- **Phương thức 5:** Tuyển thẳng các học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia và quốc tế
- **Các tổ hợp môn xét tuyển:**
 - (1) A00: Toán, Vật lý, Hoá
 - (2) A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh
 - (2) D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
 - (4) D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh

10. Thông tin về các chứng nhận kiểm định

- Đạt chứng nhận 4 sao do Tổ chức Xếp hạng QS World University Ranking cấp năm 2019;
- Đạt kiểm định cấp cơ sở giáo dục theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo Dục & Đào Tạo ngày 3/5/2017 do Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (VNU – HCM CEA) cấp;

11. Các năng lực của sinh viên tốt nghiệp

Thị trường lao động yêu cầu sinh viên tốt nghiệp phải có các năng lực sau đây:

- **GA1.** Hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát các hoạt động quản trị nguồn nhân lực của doanh nghiệp;
- **GA2.** Tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhân lực, Quản trị trả công lao động, Quan hệ lao động, Đánh giá kết quả thực hiện công việc;
- **GA3.** Xây dựng quan hệ người-người (Hỗ trợ đồng sự, Huấn luyện nhân viên, Đóng góp sáng kiến, Xây dựng mối quan hệ, Làm việc nhóm, Trao đổi kinh nghiệm, Tham gia cộng đồng nghề nghiệp);
- **GA4.** Năng lực giao tiếp (Thuyết trình, Đàm phán, Tranh luận, Giao tiếp bằng cử chỉ, Giao tiếp bằng văn bản, Giao tiếp xã hội, Sử dụng đa phương tiện trong giao tiếp, Đàm thoại xã hội, Ứng xử văn hóa, Xác định phong cách, Tạo sự tin cậy)
- **GA5.** Phát triển bản thân (Tìm kiếm, Thẩm tra, Phân tích, Đánh giá, Tư duy phản biện, Giải quyết vấn đề, Ngoại ngữ, Tin học quản lý, Tư duy sáng tạo, Tư duy hệ thống, Tư duy logic, Định hướng nghề nghiệp, Phân tích tình huống)
- **GA6.** Phẩm chất (Trách nhiệm xã hội, Đáng tin cậy, Trung thành, Hành xử chuyên nghiệp, Kiên định, Thích ứng, Liêm chính, Đạo đức, Ham học hỏi, Cập nhật kiến thức, Khiêm tốn, Kiên nhẫn, Tập trung, Nỗ lực cạnh tranh, Đam mê, chịu khó).

12. Mục tiêu đào tạo

Sinh viên sau khi tốt nghiệp trở thành người:

- **PEO1.** Quản trị, tư vấn các hoạt động quản trị nguồn nhân lực của các tổ chức, doanh nghiệp nhằm đạt được mục tiêu đề ra một cách hiệu quả và chuyên nghiệp.
- **PEO2.** Hoạch định chiến lược và phát triển nguồn nhân lực cho các tổ chức, doanh nghiệp nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế bền vững của Việt Nam và hội nhập quốc tế.

- **PEO3.** Liên tục mở rộng kiến thức, sáng tạo và đổi mới đóng góp cho ngành nhân lực và các lĩnh vực liên quan, mang lại lợi ích cho cộng đồng.

13. Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp (SVTN) ngành Quản trị nhân lực có:

Kiến thức:

- **ELO1 (K1):** Áp dụng kiến thức toán, khoa học, văn hoá, xã hội, chính trị, pháp luật và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào phân tích và lý giải các tình huống khác nhau trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực.
- **ELO2 (K2):** Phân tích thị trường lao động, nguồn lực của tổ chức dựa trên việc vận dụng các khái niệm, lý thuyết, mô hình, và cách tiếp cận của ngành quản trị nguồn nhân lực.
- **ELO3 (K3):** Đánh giá tầm quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng đến các hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức, bao gồm cả sự đa dạng và toàn cầu hóa.
- **ELO4 (K4):** Xây dựng chiến lược quản trị nguồn nhân lực dựa trên quan điểm kinh doanh tích cực nhằm mang đến lợi ích cho nhân viên, khách hàng, cộng đồng và xã hội.

Kỹ năng

- **ELO5 (S1):** Giải quyết các vấn đề của ngành quản trị nguồn nhân lực và các vấn đề liên quan bằng cách vận dụng tư duy phản biện và tư duy sáng tạo.
- **ELO6 (S2):** Áp dụng các kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm chuyên nghiệp, hiệu quả trong bối cảnh đa dạng, đa văn hoá trong vai trò là một thành viên trong nhóm hay một nhà lãnh đạo truyền cảm hứng.
- **ELO7 (S3):** Vận dụng các kỹ năng nghề nghiệp và công nghệ hiện đại vào việc quản lý các hoạt động quản trị nguồn nhân lực như hoạch định, tuyển dụng, đào tạo và phát triển, đánh giá kết quả thực hiện công việc, trả công lao động, quan hệ lao động và các nghiệp vụ quản trị nguồn nhân lực khác.
- **ELO8 (S4):** Khảo cứu thông qua một hệ thống các hoạt động thu thập, phân tích và xử lý thông tin bằng các phương pháp định tính và định lượng nhằm đưa ra kết luận cho các vấn đề trong quản trị con người.

Thái độ

- **ELO9 (A1):** Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.
- **ELO10 (A2):** Định hướng tương lai rõ ràng, thể hiện động cơ khởi nghiệp và học tập suốt đời.

14. Mối liên hệ giữa Năng lực cần đạt của sinh viên tốt nghiệp (Graduate Attributes -GAs) với Mục tiêu (Programme Educational Objectives – PEOs) và Kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo (Program Expected Learning Outcomes – ELOs)

14.1. Mối liên hệ giữa năng lực cần đạt của sinh viên tốt nghiệp với mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo

Năng lực cần đạt của SVTN (GAs)	Kết quả học tập mong đợi/ Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)									
	PEO 1	PEO 2	PEO 3	ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7
GA1	✓		✓		✓	✓	✓			
GA2	✓	✓	✓		✓				✓	
GA3										
GA4		✓							✓	
GA5			✓	✓		✓				✓
GA6			✓	✓						✓

14.2. Mối liên hệ giữa mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT (PEOs)	Kết quả học tập mong đợi/ Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)									
	ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10
PEO1					✓			✓	✓	
PEO2			✓			✓	✓	✓		
PEO3	✓	✓		✓			✓		✓	✓

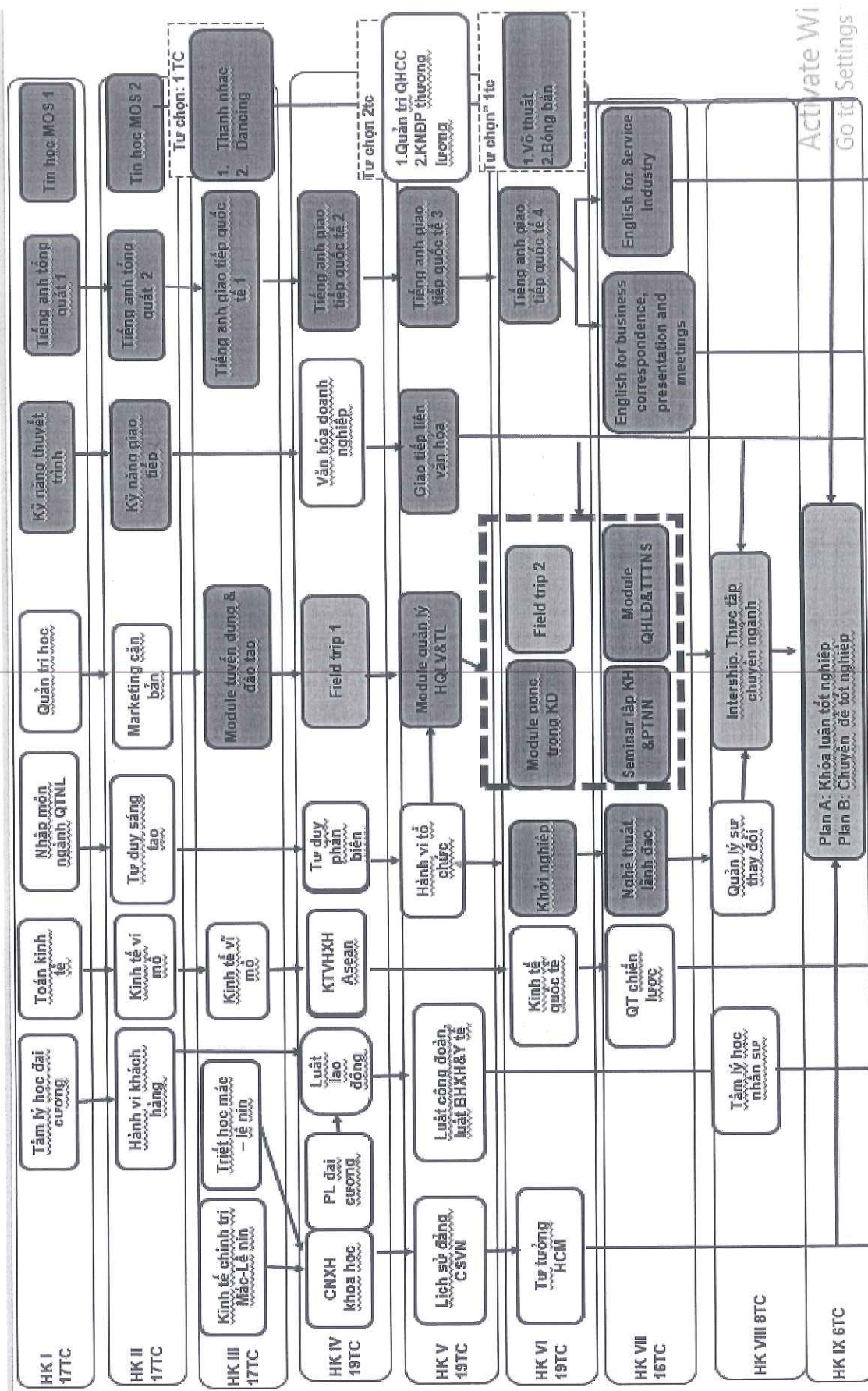
14.3. Mối liên hệ của các học phần/môn học trong việc hình thành năng lực sinh viên tốt nghiệp

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
GA1	Quản trị học (3 tín chỉ)	4	14	10,1 %
	Quản trị chiến lược (3 tín chỉ)			
	Module Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh (5 tín chỉ)			
	Hành vi tổ chức (3 tín chỉ)			
GA2	Module Tuyển dụng và Đào tạo (5 tín chỉ)	3	15	10,9%
	Module QLHQLV và tiền lương (5 tín chỉ)			
	Module Quan hệ lao động & thông tin nhân sự (5 tín chỉ)			
GA3	Fieldtrip 1: Kiến tập quy trình nhân sự (3 tín chỉ)	4	15	10,9%
	Fieldtrip 2: Thực hành nghề nghiệp (3 tín chỉ)			
	Thực tập chuyên ngành (4 tín chỉ)			
	Module Tuyển dụng và Đào tạo (5 tín chỉ)			
GA4	Kỹ năng thuyết trình (2 tín chỉ)	5	10	7,2%
	Kỹ năng giao tiếp (2 tín chỉ)			
	Giao tiếp liên văn hóa (2 tín chỉ)			
	Kỹ năng đàm phán, thương lượng (2 tín chỉ)			
	Tâm lý học nhân sự (2 tín chỉ)			
GA5	Khởi nghiệp (2 tín chỉ)	14	34	24,6%
	Tư duy phản biện (3 tín chỉ)			
	Tư duy sáng tạo (2 tín chỉ)			
	Seminar: Lập kế hoạch và phát triển nghề nghiệp (1 tín chỉ)			
	Tiếng Anh tổng quát và Tiếng Anh giao tiếp quốc tế (18 tín chỉ)			
	Tin học MOS1 và MOS2 (4 tín chỉ)			
	English for service industry (2 tín chỉ)			
	English for Business Correspondence, Presentation and Meetings (2 tín chỉ)			
GA6	Văn hóa doanh nghiệp (2 tín chỉ)	3	6	4,3%
	Luật công đoàn, Luật bảo hiểm xã hội & BHYT (2 tín chỉ)			
	Luật lao động (2 tín chỉ)			

15. Cấu trúc chương trình đào tạo

CÁC MÔN ĐẠI CƯƠNG (25TC) CHÍNH TRỊ (11TC) 1. Triết học Mác -Lênin (3TC) 2. Kinh tế chính trị (2TC) 3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2TC) 4. Lịch sử ĐCSVN (2TC) 5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2TC) PHÁP LUẬT (2TC) 1. Pháp luật đại cương (2TC) TÂM LÝ – VĂN HÓA – XÃ HỘI (2TC) 1. Tâm lý học đại cương (2TC) TOÁN (3TC) 1. Toán kinh tế (3TC) CÁC MÔN KHÁC (7TC) 1. Khởi nghiệp (2TC) 2. Tự duy phân biện (3TC) 3. Tự duy sáng tạo (2TC)	CÁC MÔN CƠ SỞ NGÀNH (35TC) 1. Nhập môn ngành QTNL (2TC) 2. GT liên văn hóa (2TC) 3. Hành vi khách hàng (2TC) 4. Kinh tế quốc tế (3TC) 5. Kinh tế vi mô (3TC) 6. Kinh tế vĩ mô (3TC) 7. Kinh tế VHXH Asean (2TC) 8. KN thuyết trình (2TC) 9. Marketing căn bản (3TC) 10. Module PPNC trong KD (5TC) 11. NT lãnh đạo (3TC) 12. QL sự thay đổi (2TC) 13. QT học (3TC) 14. QT chiến lược (3TC) 15. Seminar: Lập KH và PTNN (1TC) 16. VH doanh nghiệp (2TC) TỰ CHỌN (2TC) 1. Kỹ năng đàm phán thương lượng (2TC) 2. Quản trị quan hệ công chúng (2TC)	CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH/CHUYÊN SÂU (34TC) 1. Hành vi tổ chức (3TC) 2. Luật công đoàn, Luật bảo hiểm xã hội & BHYT (2TC) 3. Luật lao động (2TC) 4. Tâm lý học nhân sự (2TC) CÁC MÔN CHUYÊN SÂU (15TC) 1. Module QLHQ làm việc và tiền lương (5TC) 2. Module QHLD&TT nhân sự (5TC) 3. Module Tuyển dụng và đào tạo (5TC) TRẢI NGHIỆM THỰC TIỄN (10TC) 1. Fieldtrip 1: Kiến tập quy trình nhân sự (3TC) 2. Fieldtrip 2: Thực hành nghề nghiệp (3TC) 3. Thực tập chuyên ngành (4TC)	CỦ NHÂN QUẢN TRỊ NHÂN LỰC (138 TC) TỐT NGHIỆP (6 TC) PLAN A: Khóa luận TN (6TC) PLAN B: - Chuyên đề TN (3TC) - Tự chọn (3TC) CÁC MÔN ĐIỀU KIỆN (13 TC) 1. Giáo dục thể chất (5TC) 2. Giáo dục quốc phòng (8TC)	BỔ TRỢ CƠ SỞ/CHUYÊN NGÀNH (4 TC) 1. E for... Industry (2TC) 2. E for... Meetings (2TC) TỰ CHỌN NĂNG KHIẾU-NGHỆ THUẬT (2 TC) 1. Thanh nhạc (1TC) 2. Dancing (1TC) 3. Võ thuật (1TC)	BỔ TRỢ ĐẠI CƯƠNG (24TC) NGOẠI NGỮ (18TC) 1. Tiếng anh tổng quát 1 (3TC) 2. Tiếng anh tổng quát 2 (3TC) 3. Tiếng anh giao tiếp quốc tế 1 (3TC) 4. Tiếng anh giao tiếp quốc tế 2 (3TC) 5. Tiếng anh giao tiếp quốc tế 3 (3TC) 6. Tiếng anh giao tiếp quốc tế 4 (3TC) CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (4TC) 1. Tin học MOS 1 (Window, Word) (2TC) 2. Tin học MOS 2 (Excel, Powerpoint) (2TC) PHƯƠNG PHÁP – KỸ NĂNG (2TC) 1. Kỹ năng giao tiếp (2TC)
---	--	---	--	--	--

16. Sơ đồ hóa Kế hoạch đào tạo



17. Đối sánh KQHTMD của ngành đào tạo

17.1. Đối sánh Kết quả học tập mong đợi/ Chuẩn đầu ra

TT	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực của Trường ĐHSPT Vĩnh	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực của Trường TP. HCM (UEF)	Nhận xét
1	Áp dụng kiến thức toán, khoa học, văn hoá, xã hội, chính trị, pháp luật và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào phân tích và lý giải các tình huống khác nhau trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực	Hiểu biết về nguyên lý CN Mác – Lênin, đường lối cách mạng của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh; pháp luật của nhà nước, những vấn đề cấp bách của xã hội, khoa học đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn và khả năng học tập ở trình độ cao hơn	Nắm vững kiến thức cơ bản và khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chính trị và pháp luật.	Chuẩn đầu ra của các trường khác tương đồng về nội dung nhưng ở mức độ thấp hơn trong thang Bloom
2	Phân tích thị trường lao động, nguồn lực của tổ chức dựa trên việc vận dụng các khái niệm, lý thuyết, mô hình, và cách tiếp cận của ngành quản trị nguồn nhân lực	Tiếp cận và hiểu rõ đặc điểm cá nhân về những vấn đề cốt yếu như giá trị, quan điểm cá nhân, đặc trưng giá trị văn hóa của người tương tác. Nhạy cảm và chấp nhận sự khác biệt về cá nhân và các yếu tố đa văn hóa	Nắm kiến thức quản trị nguồn nhân lực: hoạch định, phân tích công việc, kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhân viên, hệ thống lương thưởng, đánh giá thực hiện công việc, thỏa ước lao động tập thể. Phân tích dữ liệu, thiết kế và tổ chức các hoạt động trong lĩnh vực quản trị nhân lực	Chuẩn đầu ra của các trường khác khá tương đồng về nội dung nhưng ở mức độ thấp hơn trong thang Bloom
3	Đánh giá tầm quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng đến các hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức, bao gồm cả sự đa dạng và toàn cầu hóa			
4	Xây dựng chiến lược quản trị nguồn nhân lực dựa trên quan điểm kinh doanh tích cực nhằm mang đến lợi ích cho nhân viên, khách hàng, cộng đồng và xã hội			Các trường khác không có
5	Giải quyết các vấn đề của ngành quản trị nguồn nhân lực và các vấn đề liên		Giải quyết các cân đề phức tạp liên quan đến lĩnh vực quản trị	Tương đồng

	quan bằng cách vận dụng tư duy phản biện và tư duy sáng tạo			nhân sự; phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường thay đổi;	
6	Áp dụng các kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm chuyên nghiệp, hiệu quả trong bối cảnh đa dạng, đa văn hoá trong vai trò là một thành viên trong nhóm hay một nhà lãnh đạo truyền cảm hứng.	Lãnh đạo để đạt mục tiêu thông qua việc xây dựng kế hoạch, niềm tin, triển khai thực hiện. Soạn thảo báo cáo công việc; thuyết trình, thuyết phục; lắng nghe hỗ trợ, chia sẻ thông tin với người khác	Truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác; chuyển tải, phổ biến kiến thức nhân sự.	Tương đồng	
7	Vận dụng các kỹ năng nghề nghiệp và công nghệ hiện đại vào việc quản lý các hoạt động quản trị nguồn nhân lực như hoạch định, tuyển dụng, đào tạo và phát triển, đánh giá kết quả thực hiện công việc, trả công lao động, quan hệ lao động và các nghiệp vụ quản trị nguồn nhân lực khác	Hiểu về hoạch định và thu hút nguồn nhân lực. Phân tích được các kiến thức đào tạo và phát triển nhân lực. Vận dụng kiến thức đãi ngộ cho người lao động. Giải thích được các quan hệ lao động. Phân tích, tổng hợp và lập kế hoạch nhân sự.		Tương đồng	
8	Khảo cứu thông qua một hệ thống các hoạt động thu thập, phân tích và xử lý thông tin bằng các phương pháp định tính và định lượng nhằm đưa ra kết luận cho các vấn đề trong quản trị con người			Các trường khác chưa có	
9	Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Tuân thủ các quy định của pháp luật, hành vi phù hợp với chuẩn mực của xã hội, chuẩn mực nghề nghiệp;	Thái độ làm việc nghiêm túc và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.	Tương đồng	
10	Định hướng tương lai rõ ràng, thể hiện động cơ khởi nghiệp và học tập suốt đời			Các trường khác chưa có	

TT	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Human Resource Management của University of Bradford	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Human Resource Management của University of East London	Nhận xét
1	Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, văn hóa, chính trị, pháp luật, và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong thực tế lĩnh vực ngành nghề.	Mô tả và đánh giá một kiến thức chi tiết về công việc, việc làm và các quy định HRM và sau đó nằm trong bối cảnh lý thuyết rộng lớn hơn	Đánh giá môi trường quản lý nguồn nhân lực và tốc độ thay đổi bao gồm kinh tế, môi trường, văn hóa, đạo đức, pháp lý, quy định, chính trị, xã hội học, kỹ thuật số và công nghệ bao gồm các tác động ở cấp địa phương, quốc gia và toàn cầu đối với chiến lược quản lý nguồn nhân lực, nhân viên hành vi, quản lý và tính bền vững của các tổ chức	Tương đồng
2	Phân tích thị trường lao động, nguồn lực của tổ chức dựa trên việc vận dụng các khái niệm, lý thuyết, mô hình, và cách tiếp cận của ngành quản trị nguồn nhân lực	Phân tích và đánh giá ý nghĩa thực tiễn của Các vấn đề của HRM và đánh giá các hành động thay thế để giải quyết các vấn đề của người hành nghề điển hình	Hiệu các lý thuyết, mô hình, kỹ thuật về quản lý nguồn nhân lực. Áp dụng kiến thức để giải quyết các tình huống liên quan.	Tương đồng
3	Đánh giá tầm quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng đến các hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức, bao gồm cả sự đa dạng và toàn cầu hóa	Mô tả vai trò của các chiến lược quản lý nguồn nhân lực trong bối cảnh rộng lớn hơn về kinh doanh và quản lý và hiệu quả tổ chức	Đánh giá các cách tiếp cận khác nhau để quản lý và điều phối chức năng nhân sự như một chuyên gia quản lý nguồn nhân lực hiệu quả	Tương đồng
4	Xây dựng chiến lược quản trị nguồn nhân lực dựa trên quan điểm kinh doanh tích cực nhằm mang đến lợi ích cho nhân viên, khách hàng, cộng đồng và xã hội	Suy nghĩ chiến lược và sáng tạo về các vấn đề nguồn nhân lực trong bối cảnh kinh doanh và xã hội rộng lớn hơn Đưa ra quyết định kinh doanh, có tính đến sự phức tạp của chương trình nghị	xác định các vấn đề quản lý nguồn nhân lực có liên quan và chọn giải pháp phù hợp và chuyên nghiệp	Tương đồng

		sự bền vững theo nghĩa rộng nhất của nó			
5	Sáng tạo, linh hoạt trong giải quyết vấn đề.	Phân tích và đánh giá tác động của hiệu suất và các can thiệp của bạn và quản lý sự phát triển chuyên nghiệp của bạn	Nhận diện và lựa chọn giải pháp phù hợp và chuyên nghiệp cho các vấn đề quản trị nhân lực	Tương đồng	
6	Giao tiếp hiệu quả trong các bối cảnh với nhiều phương thức khác nhau.	Thể hiện năng lực trong các kỹ năng sử dụng lao động có liên quan, bao gồm giao tiếp bằng văn bản và bằng lời nói, đàm phán, lãnh đạo và làm việc theo nhóm	Tạo ra các thông tin liên lạc kinh doanh có cấu trúc rõ ràng bằng nhiều phương tiện khác nhau. cộng tác với mọi người từ một loạt các nền văn hóa và hiểu được sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các bên liên quan bên trong và bên ngoài với một tổ chức	Tương đồng	
7	Vận dụng các kỹ năng nghề nghiệp và công nghệ hiện đại vào việc quản lý các hoạt động quản trị nguồn nhân lực như hoạch định, tuyển dụng, đào tạo và phát triển, đánh giá kết quả thực hiện công việc, trả công lao động, quan hệ lao động và các nghiệp vụ quản trị nguồn nhân lực khác	Áp dụng kiến thức chuyên môn, hiểu biết và kỹ năng quản lý nguồn nhân lực và các chuyên ngành nền tảng	Quản lý nguồn nhân lực nhằm tạo ra, phát triển và truyền đạt ý tưởng và quản lý và khai thác tài sản trí tuệ, đạt được hỗ trợ và mang lại kết quả thành công.	Tương đồng	
8	Khảo cứu thông qua một hệ thống các hoạt động thu thập, phân tích và xử lý thông tin bằng các phương pháp định tính và định lượng nhằm đưa ra kết luận cho các vấn đề trong quản trị con người	Phân tích tầm quan trọng các vấn đề nhân sự khác nhau, sử dụng và đánh giá phê bình nghiên cứu có liên quan	Phân tích, đánh giá dữ liệu quản lý nhân lực bằng các phương pháp khoa học xã hội phù hợp, trong đó nhấn mạnh đến kiến thức kỹ thuật số và ra quyết định dựa trên bằng chứng	Tương đồng	
9	Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội	Thể hiện một cách tiếp cận có thẩm quyền và đạo đức trong hành động của bản thân và khuyến khích điều này ở người khác	Thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.	Tương đồng	

10	Thích ứng sự thay đổi trong nhiều bối cảnh, định hướng tương lai rõ ràng, thể hiện động cơ khởi nghiệp và học tập suốt đời.	Sử dụng sáng kiến và chịu trách nhiệm cá nhân, thể hiện khả năng giải quyết các tình huống phức tạp và khó lường	Để hiểu chức năng và hoạt động của quản lý nguồn nhân lực bằng cách nghiên cứu một loạt các mô-đun liên quan đến các khía cạnh khác nhau của việc trở thành một chuyên gia trong quản lý nguồn nhân lực	Tương đồng
----	---	--	---	------------

17.2. Đối sánh chương trình đào tạo

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Quản trị nhân lực của trường DHSPKT Vinh	CTĐT ngành..của Trường ĐH Kinh tế - Tài chính TP. HCM (UEF)	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	138 tín chỉ (Không tính GD thể chất và GDQP)	120 tín chỉ (Không tính GD thể chất và GDQP)	127 tín chỉ (Không tính GD thể chất và GDQP)	Tổng số TC của ĐH NTT cao hơn
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn/tín chỉ)	60 môn/138 tín chỉ (gồm cả tự chọn)	48 – 49 môn/ 120 tín chỉ	32-37 môn / 127 tín chỉ	Có sự tương đương trong sự phân bổ khối lượng tín chỉ trong khung CTĐT
- Học phần đại cương	22 môn/49 tín chỉ	12 môn/26 tín chỉ	12 môn / 58 tín chỉ	
- Học phần cơ sở ngành	24 môn/49 tín chỉ	22 môn/53 tín chỉ	12 môn / 36 tín chỉ	
- Học phần chuyên ngành	10 môn/34 tín chỉ (bao gồm thực tập 4 tín chỉ)	13 môn/36 tín chỉ (bao gồm thực tập 5 tín chỉ)	7 môn / 21 tín chỉ (bao gồm thực tập 3 tín chỉ)	
- Học phần tốt nghiệp	Khóa luận hoặc 2 môn thay thế/ 6 tín chỉ	Khóa luận hoặc 2 môn thay thế/5 tín chỉ	Khóa luận hoặc 5 môn chuyên ngành sâu thay thế / 12 tín chỉ	
Các chuyên ngành hẹp của ngành đào tạo (nếu có)	Không có	Không có	Không có	
Phương pháp giảng dạy/học tập	Phương pháp giảng dạy tích cực. Đối với các môn chuyên	Phương pháp giảng dạy theo hướng tăng	Phương pháp giảng dạy tích cực bao gồm thuyết	Có sự tương đồng

	ngành, sinh viên đóng vai trò tích cực và tham gia vào việc xây dựng các mục tiêu học tập, giảng viên hỗ trợ bằng cách đặt câu hỏi và thực hành, đưa ra đề xuất nghiên cứu, hướng dẫn quy trình thực hiện và kết nối với cộng đồng người làm nghề nhân lực bên ngoài.	cường thời lượng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên, quan tâm nhiều đến kỹ năng thực hành của sinh viên	giảng và tổ chức các hoạt động đan xen, giảng dạy dựa trên giải quyết vấn đề và thông qua tình huống	
Học phí				Chính sách học phí căn cứ trên quy định của từng trường
Các đối sánh khác (nếu có)				

18. Tầm nhìn và sứ mạng

- **Tầm nhìn và sứ mạng của Trường**

- ❖ **Tầm nhìn**

Đến năm 2025, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành là một trường đại học ứng dụng và thực hành, đa ngành, đa bậc học, gắn với nhu cầu phát triển trong và ngoài nước, đạt chuẩn khu vực và quốc tế.

- ❖ **Sứ mạng**

Trường ĐH NTT cam kết cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng, có sức cạnh tranh cao trên thị trường lao động trong và ngoài nước thông qua đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng, xã hội dựa trên liên minh chiến lược gắn kết với các doanh nghiệp và các viện nghiên cứu.

- **Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa**

- ❖ **Tầm nhìn**

Khoa Quản trị kinh doanh theo hướng thực hành và nghiên cứu ứng dụng, phục vụ nhu cầu của các tổ chức và doanh nghiệp, đào tạo đạt chuẩn khu vực và quốc tế, tạo lập được uy tín cao tại Việt Nam và châu Á.

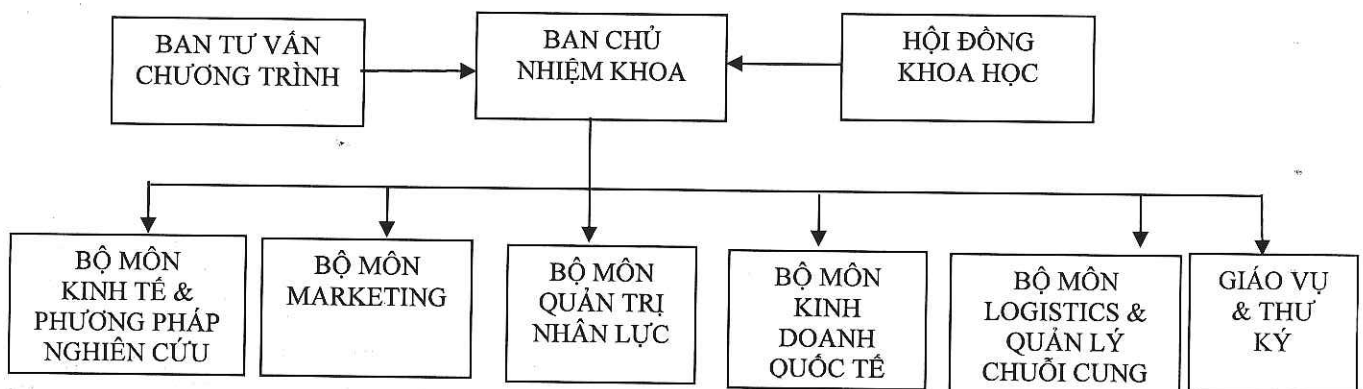
- ❖ **Sứ mạng**

Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng và có tính cạnh tranh cao cho nhu cầu của TP.HCM, Việt Nam và khu vực.

Chuẩn bị cho sinh viên phát triển nghề nghiệp và phát triển cá nhân trong tương lai.

Tạo ra một môi trường thuận lợi cho các giảng viên, sinh viên, và các nhà nghiên cứu, để giảng dạy và nghiên cứu, chú trọng đến tính sáng tạo và khởi nghiệp của sinh viên.

19. Sơ đồ cơ cấu tổ chức Khoa



20. Thông tin liên hệ

Khoa Quản trị kinh doanh - Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

- Địa chỉ: Lầu 1, Cơ sở An Phú Đông, số 331 Quốc lộ 1A, Phường An Phú Đông, Quận 12, Tp.HCM
- Điện thoại: 028 – 62565693, Số lẻ: 222
- Email: qtkd@ntt.edu.vn
- Website: www.qtkd.ntt.edu.vn

21. Thời điểm thiết kế/ điều chỉnh Bản mô tả chương trình đào tạo tiếp theo (dự kiến) năm 2022.

 **HIỆU TRƯỞNG**
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Trần Ái Cẩm

TRƯỞNG KHOA


TS. Nguyễn Xuân Nhĩ



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI



18/04/2011

